

BÀI 8. DỊCH VỤ

Thời gian thực hiện: 4 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.
- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các cảng hàng không quốc tế chính.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông.
- Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; tự đặt ra mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với thông tin, hình ảnh để trình bày những vấn đề đơn giản trong đời sống, khoa học...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ mạng lưới giao thông Việt Nam để xác định được các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các cảng hàng không quốc tế chính.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK trang 152 đến trang 158
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Liên hệ thực tế với địa phương, thấy được các ngành dịch vụ ở địa phương.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu gia đình, quê hương, đất nước, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ các nguồn lợi phát triển ngành dịch vụ
- Nhân ái: Thông cảm với các vùng khó khăn trong phát triển công nghiệp
- Chăm chỉ: Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa, sách giáo viên, Atlas Địa lí Việt Nam.
- Hình 8.1. Biểu diễn mùa rớt nước (Hà Nội)
- Hình 8.2. Bản đồ mạng lưới giao thông Việt Nam, năm 2021
- Hình 8.3. Số thuê bao Internet băng rộng cố định ở Việt Nam, giai đoạn 2005 - 2021
- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sách giáo khoa, vở ghi
- Atlas Địa lí Việt Nam.
- Hoàn thành phiếu bài tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS xem video: Du lịch biển, thể mạnh của du lịch Việt Nam

<https://www.youtube.com/watch?v=M7K4EAGKvx4>

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới: Nhóm ngành dịch vụ ở nước ta đang ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Dịch vụ tham gia hầu hết vào các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân như vận chuyển, mua bán nguyên liệu, vật tư, hàng hóa, trao đổi thông tin, học tập, du lịch,...Hiện nay dịch vụ nước ta như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua nội dung bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

a. Mục tiêu:

- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

b. Nội dung:

Dựa vào kênh chữ SGK trang 152 đến trang 153 suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của giáo viên.



Hình 8.1. Biểu diễn múa rối nước (Hà Nội)

c. Sản phẩm: Trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS			Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập * GV chia lớp thành 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình và thông tin trong bài, thảo luận nhóm với nội dung sau:			1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ
Nhóm	Nhân tố	Tác động	
1+2	Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động		
	Quy mô, cơ cấu dân số và mức sống		
3+4	Phân bố dân cư và đô thị hóa		
	Truyền thống văn hóa dân tộc và di tích lịch sử - văn hóa		
5+6	Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật		
	Khoa học – công nghệ		
7+8	Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên		
* HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

* HS quan sát hình và đọc sgk, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Nhóm	Nhân tố	Tác động
1+2	Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động	- Quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố của ngành dịch vụ chịu ảnh hưởng quyết định bởi trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động. - Kinh tế nước ta ngày càng phát triển, năng suất lao động ngày càng tăng thúc đẩy ngành dịch vụ mở rộng quy mô, đa dạng hoá các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ. - Các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ,..có sự đa dạng các ngành dịch vụ
	Quy mô, cơ cấu dân số và mức sống	- Sức mua và nhu cầu của người dân đối với hàng hóa, dịch vụ ảnh hưởng bởi quy mô, cơ cấu dân số và mức sống. - Nước ta có dân số đông, cơ cấu dân số trẻ, mức sống không ngừng được nâng cao tạo nên thị trường tiêu thụ rộng lớn, nhu cầu tiêu dùng tăng, hoạt động các ngành dịch vụ được tăng cường và phát triển ngày càng đa dạng.
3+4	Phân bố dân cư và đô thị hóa	- Sự phân bố dân cư và đô thị hoá ảnh hưởng rõ nét đến mạng lưới các ngành dịch vụ. - Vùng đồng bằng, các đô thị lớn tập trung đông dân như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,... có nhu cầu về các hoạt động dịch vụ lớn và đa dạng, dẫn đến sự tập trung các ngành dịch vụ.
	Truyền thống văn hóa dân tộc và di tích	- Nước ta có bề dày phát triển lịch sử lâu đời, nhiều giá trị truyền thống, các di tích lịch sử – văn hoá giàu bản sắc của

	lịch sử - văn hóa	dân tộc Việt Nam như: Lễ hội Đền Hùng, làng tranh Đông Hồ, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, múa rối nước, Cô đô Huế,...giúp thúc đẩy sự phát triển ngành dịch vụ, nhất là ngành du lịch.	
5+6	Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật	- Hệ thống giao thông, điện, nước, mạng lưới thông tin liên lạc, trung tâm mua sắm,... ảnh hưởng đến phân bố và tình hình hoạt động các ngành dịch vụ. Việc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật ở nước ta những năm qua đã góp phần thúc đẩy sự phát triển và mở rộng phân bố ngành dịch vụ.	
	Khoa học – công nghệ	- Sự tiến bộ và những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ như công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông,... đã giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ.	
7+8	Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Nước ta nằm ở gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, có vùng biển rộng lớn, nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế, cầu nối giữa hai lục địa tạo nhiều thuận lợi phát triển các loại hình giao thông, trao đổi, mua bán hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới. - Nước ta có nhiều phong cảnh hấp dẫn, đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, bãi biển đẹp, sinh vật đa dạng, thuận lợi cho phát triển một số ngành dịch vụ như du lịch, giao thông vận tải,... - Tuy nhiên, lãnh thổ với 3/4 diện tích là đồi núi, địa hình bị chia cắt mạnh, thường xảy ra thiên tai như bão, ngập lụt,.. ảnh hưởng đến phân bố và hoạt động của các ngành dịch vụ, tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, cơ sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế,.. gây khó	

	khẩn cho sự phát triển, phân bố và hoạt động các ngành dịch vụ.
--	---

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

GV mở rộng:

Làng tranh Đông Hồ – Tinh hoa nghệ Việt hàng trăm năm tuổi



Từ Hà Nội chỉ cần đi khoảng 35km theo dọc bờ sông Đuống là đến được làng Đông Hồ, theo người dân địa phương làng còn có tên dân dã là làng Hồ. Nay làng thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ngôi làng hiện giờ vẫn còn giữ được nhiều nét thuần Việt của làng quê Bắc Bộ. Ở bất kỳ nơi nào trong làng tranh Đông Hồ ta cũng thấy dấu ấn của nghề làm tranh. Tranh Đông Hồ ra đời vào khoảng thế kỷ thứ 16, với số lượng mẫu tranh vô cùng phong phú mà đến nay vẫn chưa ai thống kê hết. Thời cực thịnh của làng tranh là vào thế kỷ 19 đến những năm 40 của thế kỷ 20.

Thời đó người ta còn gọi tranh Đông Hồ là tranh Tết, bởi nó thường được sản xuất và bán trong dịp Tết Nguyên đán ở các chợ quê.

Trước năm 1945, ở làng có 17 dòng họ đều làm tranh. Sau cách mạng tháng tám, nghề làm tranh hầu như không còn người theo nghề. Mãi đến năm 1992 mới có người phục hồi nghề truyền thống.

Cũng giống như bao làng nghề truyền thống khác, làng tranh Đông Hồ phải đối mặt với nguy cơ mai một, thậm chí là biến mất, vì sức ép của nền kinh tế thị trường.

Từ 17 dòng họ, đến nay chỉ còn 2 dòng họ còn giữ nghề là dòng họ của nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế và Nguyễn Hữu Sam. Những người nghệ nhân phải thu mua, sưu tầm các bản khắc gỗ của làng tranh từ xa xưa do người dân bán hoặc bị thất lạc.

Tranh dân gian Đông Hồ đặc trưng ở chất liệu làm tranh và cách in tranh. Sắc màu trong tranh được lấy hoàn

a. Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động

- Ngành dịch vụ chịu ảnh hưởng quyết định bởi trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động.

- Kinh tế nước ta ngày càng phát triển, năng suất lao động ngày càng tăng

- Có các trung tâm kinh tế lớn của cả nước

b. Quy mô, cơ cấu dân số và mức sống

- Sức mua và nhu cầu của người dân đối với hàng hóa, dịch vụ

- Nước ta có dân số đông, cơ cấu dân số trẻ, mức sống không ngừng được nâng cao

c. Phân bố dân cư và đô thị hóa

- Sự phân bố dân cư và đô thị hoá ảnh hưởng rõ nét đến mạng lưới các ngành dịch vụ.

d. Truyền thống văn hóa dân tộc và

toàn từ thiên nhiên. Màu trắng được lấy từ vỏ điệp, màu đen từ than lá tre, màu xanh từ lá trà, màu vàng từ hoa hòe, màu đỏ từ sỏi son hay gỗ vang. Đây là những gam màu cơ bản, không pha trộn. Thường tranh Đông Hồ chỉ dùng 4 màu để tương ứng với số bản khắc gỗ.

Giấy làm tranh được làm thủ công từ vỏ cây dó, lớp điệp làm từ vỏ sò điệp. Tranh không được vẽ theo cảm hứng nghệ thuật mà người ta dùng ván để in. Một bức tranh được tạo thành bởi nhiều ván in khác nhau, mỗi ván ứng với một màu riêng biệt.

Không phải gỗ nào cũng có thể làm ván in, chỉ có gỗ thị, gỗ dổi hay gỗ vàng tâm là đạt yêu cầu vì gỗ mịn, nhiều thịt. Việc in tranh cũng đòi hỏi sự cẩn thận và kỹ công.

Tranh dân gian Đông Hồ là thể giới thu nhỏ của cuộc sống làng quê Việt Nam, khi xem tranh người ta có thể cảm nhận không khí quê hương thanh bình, bình dị và trong sáng. Từ cách thể hiện màu sắc, các nhân vật trong tranh đều có ẩn ý riêng.

Ta cũng có thể tìm thấy ý nghĩa nhân văn, đề cao cái đẹp, đề cao đạo lý làm người, giáo dục những phẩm chất tốt trong những bức tranh dân gian.

Ngày nay để tìm hiểu về văn hóa dân gian Việt Nam, du khách trong và ngoài nước có thể đến làng tranh Đông Hồ. Dòng tranh này cũng có mặt ở nhiều bảo tàng trong và ngoài nước. Nhiều nhà nghệ thuật học cũng đến làng để nghiên cứu về tranh.

Giá trị của tranh Đông Hồ đang dần được khẳng định trở lại. Những ai yêu quý dòng tranh này luôn tìm được một nét Kinh Bắc, một nét dân gian lưu giữ hồn dân tộc trong những nét tranh tươi trong.

di tích lịch sử - văn hóa:

- Nước ta có bề dày phát triển lịch sử lâu đời, nhiều giá trị truyền thống, các di tích lịch sử - văn hoá giàu bản sắc của dân tộc

e. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật

- Hệ thống giao thông, điện, nước, mạng lưới thông tin liên lạc, trung tâm mua sắm,...

- Nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật

g. Khoa học - công nghệ

- Sự tiến bộ và những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ như công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông,...

h. Vị trí đại lí và điều kiện tự nhiên

- Nằm ở gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, có vùng biển rộng lớn, nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế, cầu nối giữa hai lục địa

- Có nhiều phong cảnh hấp dẫn, đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, bãi biển đẹp, sinh vật đa dạng

- Lãnh thổ với 3/4 diện tích là đồi núi, địa hình bị chia cắt mạnh, thường xảy ra thiên tai như bão, ngập lụt,...

Hoạt động 2.2. Giao thông vận tải

a. Mục tiêu:

- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các cảng hàng không quốc tế chính.

b. Nội dung:

Dựa vào bảng 8.2 và kênh chữ SGK trang 153 đến trang 155 suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của giáo viên.



Em có biết?

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ, nước ta sẽ có 14 cảng hàng không quốc tế gồm: Vân Đồn, Cát Bi, Nội Bài, Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Cam Ranh, Liên Khương, Long Thành, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ và Phú Quốc.

(Nguồn: Quyết định số: 648/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2023)

c. Sản phẩm: Trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập * GV yêu cầu HS quan sát hình và thông tin trong bài, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi sau: - Em hãy cho biết giao thông vận tải nước ta trong những năm qua như thế nào? * GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình và thông tin trong bài, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: - Nhóm 1+2+3: Xác định các tuyến đường bộ huyết mạch và đường sắt - Nhóm 4+5+6: Xác định các cảng biển lớn và cảng hàng không quốc tế ở nước ta * HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập * HS quan sát hình và đọc sgk, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: - Giao thông vận tải nước ta trong những năm qua: + Phát triển với tốc độ nhanh, mạng lưới giao thông vận tải không ngừng mở rộng, chất lượng vận tải ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân + Phát triển đa dạng với các loại hình: đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển và đường hàng không. - Nhóm 1+2+3: Xác định các tuyến đường bộ huyết mạch và đường sắt + Đường bộ: . Lãnh thổ trải dài từ Bắc đến Nam, hẹp hơn từ Đông sang Tây, kết hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội nên trên phạm vi cả nước hình thành các tuyến đường huyết mạch kết nối các vùng, các tỉnh, các trung tâm kinh tế, các cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không quốc tế. Có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước như: quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 7, quốc lộ 51, Quốc lộ 1 chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau, nối hầu hết các vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. . Đường Hồ Chí Minh từ Cao Bằng đến Cà Mau có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía tây của nước ta . Các tuyến đường Tây – Đông như tuyến quốc lộ 7 nối liền Vinh với nước Lào qua cửa khẩu Nậm Cắn. Quốc lộ 51 kết nối Tp. Hồ Chí Minh với Bà Rịa – Vũng Tàu . Trong những năm qua, trên phạm vi cả nước đã và đang hình thành nhiều tuyến đường cao tốc có ý nghĩa liên	2. Giao thông vận tải

vùng, tuyến đường Xuyên Á, tuyến đường ASEAN,..

+ Đường sắt:

. Tuyến đường quan trọng nhất là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh)

. Các tuyến đường chính khác như: Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lạng Sơn, Hà Nội – Lào Cai,..

. Trong những năm qua, nước ta đã và đang phát triển các tuyến đường sắt nội đô ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.

- Nhóm 4+5+6: Xác định các cảng biển lớn và cảng hàng không quốc tế ở nước ta

+ Đường sông:

. Mạng lưới đường sông ở nước ta khá dày đặc, phát triển trên nhiều vùng. Trong đó, mức độ phát triển mạnh nhất là trên sông Hồng và sông Cửu Long.

. Một số cảng thủy nội địa ở nước ta như: Ninh Phúc (Ninh Bình), Sơn Tây (Hà Nội), Tân Thành (Cà Mau)

+ Đường biển:

. Ngành đường biển nước ta trong những năm qua phát triển mạnh cùng với sự phát triển của các hoạt động thương mại.

. Trên phạm vi cả nước đã hình thành một số đường biển quốc tế như: Tuyến Tp. Hồ Chí Minh – Hồng Công, tuyến Hải Phòng. – Tô-ky-ô,..

. Các tuyến đường biển nội địa chủ yếu phát triển theo trục Bắc – Nam, quan trọng nhất là tuyến Hải Phòng – Tp. Hồ Chí Minh.

. Các cảng biển lớn ở nước ta như: cảng Hải Phòng, cảng Quảng Ninh, cảng Khánh Hòa, cảng Tp. Hồ Chí Minh, cảng Bà Rịa – Vũng Tàu,..

+ Đường hàng không:

. Ngành hàng không ở nước ta phát triển rất mạnh mẽ và ngày càng hiện đại.

. Năm 2021, cả nước có 22 cảng hàng không dân dụng, trong đó có 10 cảng hàng không quốc tế.

. Mạng lưới các tuyến đường hàng không được thiết lập khắp các vùng của cả nước và trên thế giới.

. Một số tuyến đường bay nội địa và quốc tế như: Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội – Mát-xcơ-va, Đà Nẵng – Hồng Công, Tp. Hồ Chí Minh – Xít-ni,..

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

GV mở rộng:

Top 3 cảng biển lớn nhất tại Việt Nam

1. Cảng Hải Phòng



Cảng Hải Phòng nhìn từ trên cao

Cảng Hải Phòng thuộc Thành Phố Hải Phòng; là cụm cảng biển lớn nhất miền Bắc và lớn thứ 2 sau cảng Sài Gòn. Cảng trải dài trên 3 quận Hồng Bàng, Ngô Quyền và Hải An của thành phố. Hiện nay, nhà nước cũng như thành phố đang đầu tư và mở rộng cụm cảng Lạch Huyện để mang đến tâm vóc mới cho Hải Phòng.

Cảng Hải Phòng được Pháp bắt đầu xây dựng từ năm 1874 để phục vụ cho việc đổ bộ, tiếp tế và xâm lược Việt Nam. Thương cảng này lúc đó còn có đường xe lửa nối với Vân Nam, Trung Quốc. Những năm 1939, cảng phục vụ vận chuyển 23% khối lượng xuất nhập khẩu của khu vực Đông Dương.

Sau này miền Bắc được giải phóng khỏi thực dân Pháp, cảng Hải Phòng được Ngành vận tải thủy vận hành. Năm 1965, cảng trực thuộc cục vận tải đường biển. Năm 1978, cảng do Tổng cục đường biển quản lý. Năm 1995, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam quản lý. Cảng bắt đầu chuyển sang mô hình công ty TNHH một thành viên trực thuộc Tổng công ty Hàng hải từ năm 2007. Đến năm 2014 cảng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nhà nước

Các khu bến cảng chính thuộc cụm cảng Hải Phòng

- Cảng Hoàng Diệu: Là khu cảng chính trên sông Cấm. Khu vực này chủ yếu phục vụ container nội địa, bốc xếp hàng rời nội địa. Hoàng Diệu có 11 cầu tàu, độ sâu - 8.4m, kho rộng 31.320 m², diện tích bãi là 163.000 m².

- Cảng Chùa Vẽ: Đây là cảng chính khi nói đến Hải Phòng. Cảng này cũng nằm trên sông Cấm. Đây là cảng container chuyên dụng, với 5 cầu tàu và diện tích bãi rộng 179.000 m²

- Cảng Đình Vũ: Cảng nước sâu tại Hải Phòng, có thể nhận tàu từ 10.000 - 20.000 DWT. Cảng gồm 8 cầu tàu bê tông phục vụ cho cả container và hàng rời. Đình Vũ có hệ thống kho 70.232 m², bãi chứa hàng rộng 39.000 m²; hệ thống cầu đế cố định và di động từ 10 - 70 tấn, xe nâng hạ, băng tải, cầu xếp dỡ container hiện đại. Ngoài ra, cảng còn có đường sắt vào các cầu tàu số 8, 9, 10, 11. Cảng Đình Vũ có khả năng xếp dỡ từ 3,5 - 4,5 tấn hàng/năm.

- Ngoài ra còn có nhiều bên bãi và các cảng chính khác như: Đoạn Xá, Tân Vũ, Hải An và Lạch Huyện. Cảng Lạch Huyện đang được đầu tư và xây dựng, trong đó có

- Phát triển với tốc độ nhanh, mạng lưới giao thông vận tải không ngừng mở rộng, chất lượng vận tải ngày càng cao

- Phát triển đa dạng với nhiều loại hình

a. Đường bộ:

- Hình thành các tuyến đường huyết mạch kết nối các vùng, các tỉnh, các trung tâm kinh tế, các cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không quốc tế

- Đã và đang hình thành nhiều tuyến đường cao tốc có ý nghĩa liên vùng, tuyến đường Xuyên Á, tuyến đường ASEAN,...

b. Đường sắt:

- Tuyến đường quan trọng nhất là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh)

- Đã và đang phát triển các tuyến đường sắt nội đô ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.

c. Đường sông:

- Mạng lưới đường sông ở nước ta khá dày đặc, phát triển trên nhiều vùng.

- Phát triển mạnh nhất là trên sông Hồng và sông Cửu Long.

d. Đường biển:

- Phát triển mạnh cùng với sự phát triển của các hoạt động thương mại.

- Hình thành một số đường biển quốc tế

- Các tuyến đường biển nội địa chủ yếu phát triển theo trục Bắc – Nam

e. Đường hàng không:

- Phát triển rất mạnh mẽ và ngày càng hiện đại.

- Năm 2021, cả nước có 22 cảng hàng không dân dụng, trong đó có 10 cảng hàng không quốc tế.

- Mạng lưới các tuyến đường hàng không được thiết lập khắp các vùng của cả nước và trên thế giới.

bến số 1 và 2 đã hoàn thiện và đón được tàu có tải trọng 132.999 DWT ~ 12.000 TUE

Cảng Hải Phòng được chính phủ và nhà nước quan tâm đặc biệt. Hiện nay, nhà nước đang đầu tư nhiều để nâng cấp cụm cảng Hải Phòng để trở thành một trong các cảng biển lớn nhất Việt Nam. Khu bến Lạch Huyện có dự án nâng cấp thành cảng container và tổng hợp. Đây sẽ trở thành khu cảng chính để tiếp nhận tàu lớn. Khu Đình Vũ được nạo vét, cải tạo để tiếp nhận tàu 30.000 DWT.

2. Cảng Đà Nẵng



Cảng biển Đà Nẵng view từ trên cao rất đẹp

Được thành lập năm 1901, đến nay đã hơn 100 năm tồn tại và phát triển, cảng Đà Nẵng là một trong 3 cảng biển chiến lược và quan trọng của Việt Nam. Cảng Đà Nẵng đang là cảng biển lớn thứ 3 Việt Nam và lớn nhất Miền Trung Việt Nam.

Cảng nằm trong vịnh Đà Nẵng, với vị trí và giao thông thuận tiện, cảng Đà Nẵng đóng góp vai trò cực kỳ quan trọng trong chuỗi logistics của miền Trung. Cảng là cửa ngõ ra Biển Đông cũng như là điểm trung chuyển quan trọng cho hàng hoá vào Lào. Cảng Đà Nẵng là điểm cuối của hành lang kinh tế Đông Tây của 4 nước: Myanmar, Thái Lan, Lào và Việt Nam.

Cảng Đà Nẵng hiện tại có 2 khu bến chính phục vụ hàng hoá: Tiên Sa - Sơn Trà và Liên Chiểu. Xí nghiệp cảng Tiên Sa quản lý khu cảng chính và các công ty thành viên. Cảng có gần 1.700m cầu bến với khả năng tiếp nhận tàu hàng lên đến 70.000 DWT, tàu container 4.000 TUEs và tàu khách 170.000 GT. Cảng được đầu tư thiết bị xếp dỡ và kho bãi hiện đại.

- Tiên Sa - Sơn Trà là khu bến chính, bến tổng hợp với luồng vào 8km, sâu -12m và khả năng tiếp nhận tàu hàng 3-5 vạn DWT, tàu container tới 4.000 TEU và tàu khách 10 vạn GRT. Khu này có diện tích 160.000 m², kho hàng lên đến 20.290 m². Năm 2020, Chính Phủ có quy hoạch nâng cấp để cảng có thể tiếp nhận tàu 50 vạn DWT

- Liên Chiểu là khu bến chuyên phục vụ khu công nghiệp Liên Chiểu. Bến này có thể nhận tàu 10.000 DWT. Năm 2020, Chính Phủ có kế hoạch nâng cấp cảng Liên Chiểu để tiếp nhận được tàu 80.000 DWT để thay thế cảng Tiên Sa. Sau đó chuyển Tiên Sa thành cảng phục vụ cho du lịch.

3. Cảng Sài Gòn



Cảng Sài Gòn ngày nay hiện đại và chuyên nghiệp

Ngày 22/6/1860, Pháp đã thành lập cảng với tên gọi Thương Cảng Sài Gòn. Cảng nằm dọc sông Sài Gòn và cách biển 80km. Cảng Sài Gòn hiện nay là 1 cụm cảng gồm 5 khu vực với diện tích 3,86 triệu m².

- Hàm Nghi: dài khoảng 4km dọc sông có 3 cầu tàu nội địa

- Nhà Rong: dọc sông Tàu Hủ có 3 cầu tàu du lịch nước ngoài.

- Khánh Hội: dài 1,25 km với 11 cầu tàu cho tàu nước ngoài

- Chợ Cá: gồm 3 cầu tàu và 2 bến

Thương Cảng Sài Gòn vào những năm 1939 đã trở thành cảng đứng thứ 7 trong số các thương cảng của Pháp trên toàn thế giới, lưu chuyển 3 triệu tấn hàng. Vào năm 1960 dưới chính quyền Việt Nam cộng hòa kiểm soát.

Sau khi giải phóng Miền Nam, Thương Cảng Sài Gòn đổi tên thành Cảng Sài Gòn theo quyết định của Tổng cục đường biển. Lúc đó, Cảng Sài Gòn có tổng diện tích 475.000 m² với 3 bến xếp dỡ.

- Bến Nhà Rong (428 m)

- Bến Khánh Hội (1,264 m)

- Bến Tân Thuận (866.5 m)

- Và nhiều phao buộc neo dọc hai bên bờ sông.

Trải qua thăng trầm của lịch sử đến nay Cảng Sài Gòn đã trở thành một cảng quốc tế, lớn nhất Nam Bộ cũng như cả nước, góp phần lớn vào vận chuyển hàng hóa nội địa cũng như thương mại quốc tế của Việt Nam. Cảng Sài Gòn hiện nay có diện tích mặt bằng 570.000 m², gồm 5 bến cảng: Nhà Rong, Khánh Hội, Tân Thuận I, Tân Thuận II và Cần Thơ. Những năm gần đây, cảng Sài Gòn đã khai thác thành công dịch vụ trung chuyển container mở ra giai đoạn mới cho ngành Hàng Hải Việt Nam

Năm 2009, Thành phố Hồ Chí Minh đã di dời các cảng ra cảng Hiệp Phước (Nhà Bè), hình thành nên Khu đô thị cảng Hiệp Phước. Cũng trong năm này, Thành phố đã tiến hành nạo vét sông Đồng Nai để Hiệp Phước có thể tiếp nhận tàu hàng 50.000 DWT và tiếp tục nâng cấp lên tàu 70.000 DWT vào năm 2010. Kế hoạch của thành phố là đưa Hiệp Phước trở thành khu cảng hiện đại nhất Việt Nam cùng với Cái Lái và Cái Mép - Thị Vải. Công suất khai thác tối đa có thể lên tới 250 triệu tấn/năm.

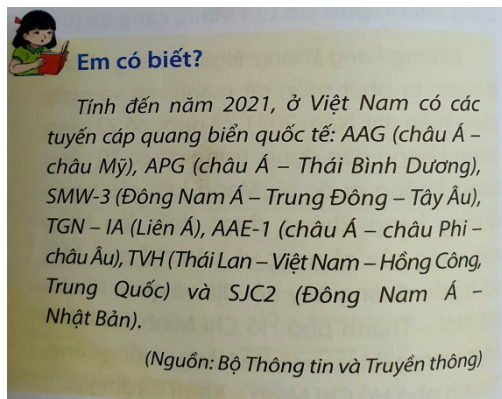
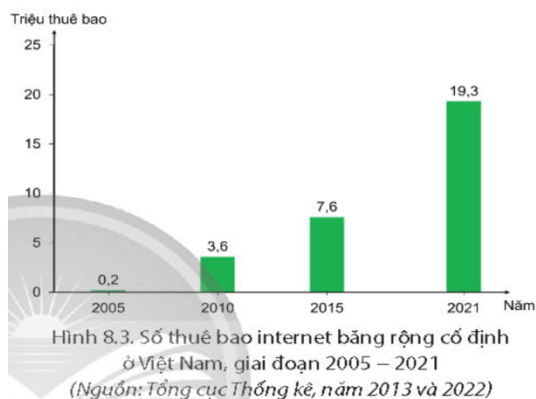
Với lịch sử hơn 150 năm, Cảng Sài Gòn ngày càng lớn mạnh và được đầu tư bài bản, xứng danh là cảng biển lớn nhất Việt Nam cũng như nằm trong top 3 các cảng biển

a. Mục tiêu:

- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông

b. Nội dung:

Dựa vào bảng 8.3 và kênh chữ SGK trang 156 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của giáo viên.



c. Sản phẩm: Trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập * GV yêu cầu HS quan sát hình và thông tin trong bài, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi sau: - Bưu chính bao gồm các hoạt động nào? - Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành bưu chính ở nước ta - Nhận xét số thuê bao internet băng rộng cố định ở Việt Nam, giai đoạn 2005 – 2021 - Viễn thông bao gồm các hoạt động nào? - Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành viễn thông ở nước ta * HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập * HS quan sát hình và đọc sgk, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: - Bưu chính bao gồm các hoạt động nhận, vận chuyển thư tín, bưu phẩm, hàng hóa, tài liệu,... - Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành bưu chính ở nước ta + Ngành bưu chính ngày càng phát triển + Mạng lưới bưu chính rộng khắp với hơn 930 bưu điện, hơn 14000 điểm phục vụ, đảm bảo mỗi xã có ít nhất một điểm phục vụ (năm 2021), các bưu cục Trung ương đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. + Doanh thu hoạt động bưu chính đạt 26,3 nghìn tỉ đồng (năm 2021)	3. Bưu chính viễn thông

+ Các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng và hoạt động ngành bưu chính dần nâng cao chất lượng nhờ cải tiến công nghệ, tăng cường tự động hóa và tin học hóa.

- Số thuê bao internet băng rộng cố định ở Việt Nam, giai đoạn 2005 – 2021 ngày càng tăng

+ Năm 2005: 0,2 triệu thuê bao

+ Năm 2010: 3,7 triệu thuê bao

+ Năm 2015: 7,6 triệu thuê bao

+ Năm 2021: 19,3 triệu thuê bao

- Viễn thông bao gồm các hoạt động gửi, truyền, nhận và xử lý số liệu, hình ảnh, âm thanh,... bằng các thiết bị điện tử.

- Tình hình phát triển và phân bố ngành viễn thông ở nước ta

+ Có sự phát triển nhanh chóng, doanh thu ngành viễn thông đạt khoảng 316,4 nghìn tỉ đồng (năm 2021).

+ Mạng viễn thông không ngừng nâng cao chất lượng nhờ việc tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại theo hướng chuyển đổi số.

+ Mạng lưới viễn thông phân bố rộng khắp, đặc biệt là điện thoại và internet, hai trạm trung chuyển internet quốc gia là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Năm 2021, Việt Nam có một số trạm thông tin vệ tinh, 7 tuyến cáp quang biển quốc tế, góp phần nâng cao năng lực viễn thông quốc tế và trong nước.

+ Hiện nay, các dịch vụ viễn thông như: thư điện tử, trò chuyện trực tuyến, thương mại điện tử,...ngày càng mở rộng và phát triển, ứng dụng trong nhiều lĩnh vực của đời sống, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả, tiện ích và chất lượng hoạt động của các ngành kinh tế.

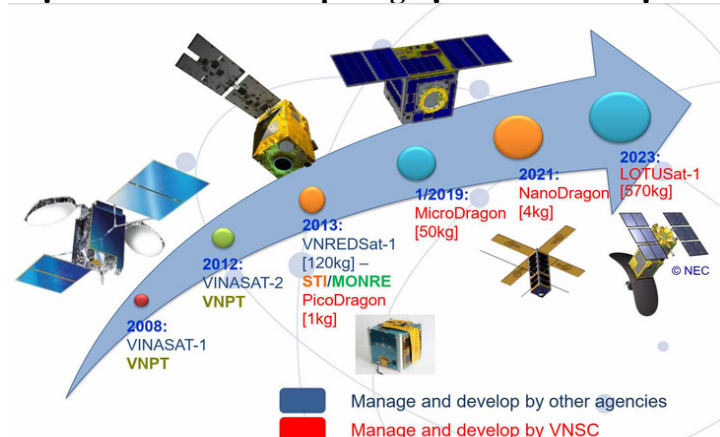
* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

GV mở rộng:

Việt Nam - hành trình phóng vệ tinh vào vũ trụ



Giá trị vùng vũ trụ

a. Bưu chính:

- Ngành bưu chính ngày càng phát triển

- Mạng lưới bưu chính rộng khắp với hơn 930 bưu điện, hơn 14000 điểm phục vụ, đảm bảo mỗi xã có ít nhất một điểm phục vụ. Doanh thu đạt 26,3 nghìn tỉ đồng (năm 2021)

b. Viễn thông:

- Có sự phát triển nhanh chóng, doanh thu ngành viễn thông đạt khoảng 316,4 nghìn tỉ đồng (năm 2021).

- Mạng lưới viễn thông phân bố rộng khắp

- Năm 2021, Việt Nam có một số trạm thông tin vệ tinh, 7 tuyến cáp quang biển quốc tế, góp phần nâng cao năng lực viễn thông quốc tế và trong nước.

Hiện nay có 4 vùng không gian chúng ta đang làm chủ, gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời, không gian mạng. Còn một vùng chúng ta đang bỏ ngỏ, đó là vùng vũ trụ, trong khi thế giới đang có những cuộc đua tranh chấp quyết liệt vùng không gian này.

Từ lâu, những bộ phim khoa học viễn tưởng như *Chiến tranh giữa các vì sao*, *Cuộc phiêu lưu vào không gian*, *Du hành giữa các vì sao...* đã diễn tả phần nào tầm quan trọng của không gian vũ trụ.

Trong thực tế, các cuộc đua thống lĩnh không gian đã vượt ngoài tầm quốc gia. Những nước lớn đã đưa người lên Mặt trăng, xây dựng trạm vũ trụ quốc tế từ hơn nửa thế kỷ trước.

Thế giới đang hướng tới kỷ nguyên "Không gian mới" (New Space). Khám phá vũ trụ không chỉ là biểu tượng của khoa học, công nghệ, niềm tự hào của quốc gia, mà ngày nay các quốc gia còn thấy được giá trị kinh tế khổng lồ từ ngành công nghiệp vũ trụ.

Họ tìm cách đầu tư bằng việc thành lập các trung tâm vũ trụ hoặc kết hợp với các công ty, tập đoàn tư nhân. Đây là thời kỳ nở rộ đầu tư hơn bao giờ hết và không chỉ ở các nước lớn.

Trong một bài viết trên trang KBS World đã nói về cuộc đua này: Các nước Mỹ, Nga, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc đều đã đầu tư lớn vào ngành này. Cựu tổng thống Mỹ Donald Trump đã khởi động chương trình Artemis, đưa người quay trở lại Mặt trăng và sao Hỏa. Công ty tư nhân SpaceX của tỉ phú Elon Musk đã phát triển vượt bậc, tiếp đến là Tập đoàn Boeing và Công ty Virgin Galactic.

Nga và Trung Quốc đang hợp tác xây dựng một trạm vũ trụ chung để bay lên Mặt trăng, sao Hỏa. Mỹ, Úc và EU cũng đang hợp tác phát triển không gian vũ trụ. Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất cũng làm thế giới ngạc nhiên khi đưa vệ tinh tiến vào quỹ đạo sao Hỏa.

Luxembourg đã công bố "Kế hoạch sử dụng các tài nguyên vũ trụ", như một động lực tăng trưởng kinh tế quốc gia vào năm 2017. Anh công bố "Chiến lược tăng trưởng và đổi mới không gian", với mục tiêu chiếm 10% thị phần ngành công nghiệp vũ trụ toàn cầu vào năm 2030. Hàn Quốc cũng có kế hoạch đưa vệ tinh vào quỹ đạo Mặt trăng lần đầu tiên vào năm tới và hiện thực hóa giấc mơ hạ cánh xuống Mặt trăng vào năm 2030.

Không gian từ lâu đã được coi là lĩnh vực của chính phủ và các cơ quan tình báo, quân sự, nhưng giờ đây đang được tiếp cận dưới góc độ kinh tế và thương mại. Ngân hàng đầu tư Morgan Stanley ước tính quy mô ngành công nghiệp vũ trụ toàn cầu sẽ lên tới 1.000 tỉ USD vào năm 2040.

Ở Việt Nam, năm 1980 anh hùng Phạm Tuân là người đầu tiên bay lên vũ trụ cùng với phi hành gia Liên Xô trong chương trình hợp tác nghiên cứu sử dụng không

gian vũ trụ vào mục đích hòa bình. Sự kiện này đánh dấu bước khởi đầu của ngành vũ trụ Việt Nam, công nghệ vũ trụ cũng được chú ý khi chúng ta có được những bức ảnh đầu tiên chụp lãnh thổ từ ngoài không gian.

Tháng 6-2006, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ đến năm 2020". Tới nay, Việt Nam đã có những thành quả sau nỗ lực và thấy được tầm quan trọng của công nghệ vũ trụ.

Hiện Việt Nam đang sở hữu những vệ tinh đã có tác động lớn đến hầu hết mọi mặt cuộc sống, như vệ tinh viễn thông VINASat-1, VINASat-2, vệ tinh quan sát Trái đất VNREDSat-1, và 3 vệ tinh do VNSC tự thiết kế, chế tạo thành công gồm PicoDragon, MicroDragon và NanoDragon.

Một vệ tinh cỡ lớn do trung tâm quản lý là LOTUSat-1, dự định phóng vào cuối năm 2023, cùng việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất vệ tinh nặng dưới 180kg cũng đang được thực hiện.

Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống cơ sở vật chất và đội ngũ nhân lực trẻ được đào tạo bài bản. Mục tiêu tiếp theo là làm chủ công nghệ chế tạo vệ tinh và xây dựng chùm vệ tinh quốc gia nhằm tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ vệ tinh trong Chiến lược Vũ trụ đến năm 2030.

Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Viện hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam nhiệm vụ xây dựng và triển khai đề án "Tăng cường năng lực quốc gia về quan sát Trái đất sử dụng vệ tinh nhỏ".

"Chúng tôi được Viện hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam giao cho xây dựng đề án này để chuẩn bị trình Chính phủ" - ông Phạm Anh Tuấn, tổng giám đốc VNSC, cho biết

Không mạnh dạn sẽ mất cơ hội

Vai trò của công nghệ vũ trụ đối với đời sống con người không còn xa lạ, song muốn phát triển hơn nữa Việt Nam cần có tầm nhìn chiến lược để đón nhận những cơ hội mới.

Nhiều cơ hội hợp tác, tham gia vào các dự án mang tính quốc tế chúng ta cũng bị bỏ lỡ. Mới đây, Mỹ mời Việt Nam tham gia dự án Artemis đưa người trở lại Mặt trăng và sao Hỏa.

Tuy nhiên, họ yêu cầu các nước tham gia phải ký công ước quốc tế, các bộ ngành phải đồng ý thông qua. "Đây là một dự án nghiên cứu hay về vũ trụ, chúng ta mất những cơ hội vì chúng ta không dám mạnh dạn" - ông Tuấn tiếc nuối.

Ông Tuấn cho biết Liên Hiệp Quốc đã mời Việt Nam tham gia một số công ước về hàng không vũ trụ nhưng chúng ta vẫn chưa tham gia. Việt Nam đã có Công ước về Luật biển, khi cãi nhau mình có thể dẫn theo công ước... Công ước về vũ trụ chúng ta chưa tham gia, nếu có cãi nhau thì chúng ta không biết lấy điều luật gì để viện

dẫn.

"Lĩnh vực này không thể nói chỉ đề tiêu tốn tiền của, các nước tư bản không bao giờ phung phí tiền cả. Làm công nghệ cao để tạo ra các ứng dụng phục vụ vào các lĩnh vực và tạo ra hiệu quả kinh tế" - ông Tuấn hy vọng Việt Nam sẽ có chiến lược và tầm nhìn dài hạn. Vì vũ trụ không phải phát triển cho 5-10 năm mà xây dựng chiến lược 20 năm, thậm chí 50 năm.

Còn một hạn chế khác về mặt tâm lý của người dùng. Ứng dụng vệ tinh mặc dù đã được một số lãnh đạo đầu ngành và doanh nghiệp tin dùng, song con số này vẫn ở mức khiêm tốn. Tâm lý e ngại sử dụng vì chưa hiểu biết hoặc hiểu nhưng ngại thay đổi cách làm là điều đang diễn ra phổ biến.

Điều lo ngại nhất thường thấy là sự thay đổi về nhân lực, sẽ thay thế bằng thiết bị máy móc. Chẳng hạn trong lĩnh vực thống kê phải ngồi đợi báo cáo từ các địa phương hoặc xác minh hậu quả thiên tai phải cử các đoàn vào thực địa. Nhưng giờ đây vệ tinh sẽ làm những việc đó rất nhanh và độ chính xác cao hơn.

Một khó khăn nữa, về chế độ chính sách, là giữ chân những người giỏi ở lại trung tâm. Hiện nay với số lượng 120 cán bộ, trong đó chỉ số ít được biên chế và lương tính theo bậc. "Chúng tôi phải mất nhiều năm để đào tạo một cán bộ trong lĩnh vực công nghệ cao này, nhưng với khả năng của họ thì các công ty khác sẵn sàng trả chế độ cao hơn để mời họ về" - ông Tuấn tâm sự.

Về dự định mới, ông Tuấn cho biết chặng thứ hai tiếp tục làm vệ tinh "made in Việt Nam". Thực hiện đề án "Tăng cường năng lực quốc gia về quan sát Trái đất sử dụng vệ tinh nhỏ", tăng số lượng vệ tinh để hình ảnh được cập nhật nhiều hơn. Ông Tuấn và đội ngũ mong muốn xây dựng được chùm vệ tinh quốc gia, sau này Việt Nam sẽ có một trung tâm quan sát quốc gia để quan sát toàn bộ vùng chủ quyền của đất nước.

Hoạt động 2.4. Thương mại và du lịch

a. Mục tiêu:

- Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.

b. Nội dung:

- Dựa vào kênh chữ SGK trang 157, 158 suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: Trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập *GV yêu cầu HS đọc nội dung sgk, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi sau: - Cho biết vai trò của các hoạt động thương mại ở nước ta *GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS đọc nội dung sgk, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: - Nhóm 1+2+3: Phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành nội thương của nước ta - Nhóm 4+5+6: Phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành ngoại thương của nước ta *GV chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu HS đọc nội dung sgk, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau: Hãy phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành du lịch ở nước ta *HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập * HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận *Sau khi HS có sản phẩm, GV cho các HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp: - Vai trò của các hoạt động thương mại ở nước ta: Góp phần thúc đẩy sản xuất, nâng cao đời sống của người dân và tăng cường quan hệ hợp tác trong nước, quốc tế. - Nhóm 1+2+3: Phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành nội thương của nước ta + Các cơ sở bán lẻ hiện đại ngày càng được mở rộng: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trao đổi qua siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi tăng dần giá trị và tỉ trọng trong phân phối bán lẻ hàng hóa trên thị trường + Quy hoạch hợp lý, đổi mới mô hình hoạt động của các chợ đầu mối và truyền thống: Sắp xếp, nâng cấp các chợ đầu mối trên phạm vi cả nước và chợ truyền thống tại các địa phương, đáp ứng nhu cầu thông thương, tiêu thụ hàng hóa của người dân, phù hợp với từng vùng, miền + Hạ tầng thương mại được đầu tư: Phát triển đồng bộ, đa dạng, từng bước hiện đại hóa, áp dụng công nghệ số hóa trong quản lý, khai thác, vận hành + Thương mại điện tử phát triển nhanh: Các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ bằng phương tiện điện tử có kết nối internet ngày càng phổ biến. + Gia tăng thu hút đầu tư, liên kết với doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực thương mại - Nhóm 4+5+6: Phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành ngoại thương của nước ta + Phát triển xuất khẩu, nhập khẩu bền vững: Hướng đến xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng, có hàm lượng khoa học – công nghệ, các sản phẩm kinh tế xanh góp phần nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu	4. Thương mại và du lịch
--	--

+ Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng: Đẩy mạnh khai thác các thị trường lớn, yêu cầu sản phẩm chất lượng cao như Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản,.. Mở rộng sang các thị trường còn tiềm năng như Liên bang Nga, Ấn Độ, châu Phi, Trung Đông, Mỹ La tinh,..

+ Thị trường nhập khẩu có sự chuyển dịch về cơ cấu: Giảm tỉ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ thấp, công nghệ trung gian, tăng tỉ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ nguồn

- Phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành du lịch ở nước ta

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững: Đảm bảo hài hòa giữa phát triển du lịch đồng thời vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, xã hội, góp phần bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và sự phát triển của các hệ sinh thái.

+Tập trung phát triển các loại hình du lịch tiềm năng: Du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và nông thôn, du lịch sinh thái

+ Tăng cường phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng dựa trên các lợi thế về tài nguyên: Du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo, du lịch văn hóa, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, khai thác thế mạnh ẩm thực đa dạng, đặc sắc của các vùng.

+ Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh: Xây dựng điểm đến thông minh, ứng dụng công nghệ số trong du lịch (giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành du lịch,..)

+ Chú trọng đầu tư, khai thác các khu vực động lực phát triển du lịch: Phát triển các địa bàn du lịch trọng điểm (Hà Nội, Quảng Ninh – Hải Phòng, Quảng Bình – Quảng Trị, Đà Nẵng – Quảng Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ – Kiên Giang,..), các khu du lịch quốc gia (Sa Pa, Hạ Long – Bái Tử Long – Vân Đồn, Tràng An, Phong Nha – Kẻ Bàng, Hội An – Cù Lao Chàm, Phú Quốc,..) để thúc đẩy, lan tỏa phát triển du lịch đến các đại phương khác.

+ Mở rộng thị trường: Duy trì các thị trường truyền thống như các nước Đông Á, châu Âu, khu vực ASEAN, Bắc Mỹ, Liên bang Nga,..Đẩy mạnh khai thác thị trường khách nội địa, đa dạng hóa các phân khúc thị trường mục tiêu.

*HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

GV mở rộng:

1 số khu nghỉ dưỡng biển đảo tốt nhất Việt Nam 2024

a. Thương mại:



Nằm trên bãi biển riêng biệt dài 700 m trên bán đảo Sơn Trà, **InterContinental Danang Sun Peninsula Resort** đứng đầu danh sách năm nay.

Khu nghỉ có hơn 200 phòng, căn hộ và biệt thự được bao quanh bởi các dãy núi và vườn nhiệt đới. Nơi đây cũng là khu vực bảo tồn một số loài động vật như voọc chà vá chân nâu và có chính sách nghiêm ngặt để bảo vệ động vật hoang dã.



Nằm ở bãi Dài gần khu dự trữ sinh quyển thế giới được UNESCO công nhận, **Regent Phu Quoc** đứng ở vị trí thứ hai. Năm ngoái, khu nghỉ ở vị trí thứ nhất.

Khai trương tháng 4/2022, khu nghỉ dưỡng có 302 phòng và biệt thự, 6 nhà hàng và quán bar phục vụ các món ăn Việt Nam, Nhật Bản và Pháp. Nơi này còn có phòng thể thao, phòng thiền, yoga.



* **Nội thương:**

- Các cơ sở bán lẻ hiện đại ngày càng được mở rộng
- Quy hoạch hợp lý, đổi mới mô hình hoạt động của các chợ đầu mối và truyền thống
- Hạ tầng thương mại được đầu tư
- Thương mại điện tử phát triển nhanh
- Gia tăng thu hút đầu tư, liên kết với doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực thương mại

* **Ngoại thương:**

- Phát triển xuất khẩu, nhập khẩu bền vững
- Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng
- Thị trường nhập khẩu có sự chuyển dịch về cơ cấu

b. Du lịch:

- Đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững
- Tập trung phát triển các loại hình du lịch tiềm năng
- Tăng cường phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng dựa trên các lợi thế về tài nguyên
- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh
- Chú trọng đầu tư, khai thác các khu vực động lực phát triển du lịch
- Mở rộng thị trường
- Các cơ sở bán lẻ hiện đại ngày càng được mở rộng

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Xác định 2 tuyến đường bộ huyết mạch, 1 tuyến đường sắt ở nước ta
2. Xác định một số cảng biển, cảng hàng không quốc tế ở nước ta

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1. Xác định 2 tuyến đường bộ huyết mạch, 1 tuyến đường sắt

- 2 tuyến đường bộ huyết mạch:

. Quốc lộ 1 chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau, nối hầu hết các vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

. Đường Hồ Chí Minh từ Cao Bằng đến Cà Mau có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía tây của nước ta

- 1 tuyến đường sắt: đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh)

2. Xác định một số cảng biển, cảng hàng không quốc tế

- 1 số cảng biển: cảng Hải Phòng, cảng Quảng Ninh, cảng Khánh Hòa, cảng Tp. Hồ Chí Minh, cảng Bà Rịa – Vũng Tàu,..

- 1 số cảng hàng không quốc tế:

+ Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh, Vinh, Cát Bi

* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi cho HS:

Sưu tầm và viết 1 đoạn văn ngắn về một dịch vụ viễn thông được ứng dụng trong cuộc sống mà em yêu thích

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

* HS suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.